CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

THÔNG BÁO MỜI THAM DỰ
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017**

1. **Thời gian:** 8^h00 ngày 28/04/2017 (nhận đăng ký từ 7^h30)
2. **Địa điểm:** Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, 672 Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội
3. **Nội dung:**

- Báo cáo của Tổng giám đốc hoạt động SXKD năm 2016, phương hướng năm 2017
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016
- Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán
- Tờ trình Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016
- Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017
- Tờ trình Thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2016
- Tờ trình Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2017
- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017
- Tờ trình Phương án triển khai dự án Hồng Hà Office Tower 94 Lò Đúc
- Báo cáo hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ năm 2016 - 2017
- Những nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

4. **Các tài liệu kèm theo:**

- Mẫu giấy xác nhận/ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2017.
- Tài liệu Đại hội: đề nghị Quý cổ đông xem tại website: http://www.vpphongha.com.vn

5. **Xác nhận tham dự Đại hội:**

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc trực tiếp (hoặc ủy quyền) tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2017 bằng cách gửi Giấy xác nhận/ủy quyền tham dự Đại hội theo một trong các hình thức: gửi trực tiếp, qua fax hoặc gửi thư bảo đảm; thông báo trực tiếp hoặc qua điện thoại tới địa chỉ sau:

- Ông **Cao Sơn Thủy** – Trưởng Phòng TCHC, Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà
- Điện thoại: 04.22103919; Fax: 04.36524351; Di động: 0913234237
- Địa chỉ: 672 Ngô Gia Tự – Long Biên – Hà Nội
- Thời gian: Trước 16^h00' ngày 26/04/2017

6. **Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:**

- Thông báo mời tham dự Đại hội; CMND hoặc hộ chiếu (bản gốc);
- Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự và Thông báo mời tham dự ĐHĐCĐ, bản sao CMND/hộ chiếu của người ủy quyền (đối với người được ủy quyền tham dự Đại hội).

Thông báo này thay cho Giấy mời họp.

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Sỹ Dởng

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ
Ký ngày: 18/4/2017 09:26:54

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Thời gian: từ 8h00 → 11h00 Thứ Sáu, ngày 28/04/2017

Địa điểm: Hội trường Công ty CP VPP Hồng Hà, số 672 Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội

Thời gian	Nội dung
7h15-8h00	Cổ đông đăng ký tham dự, nhận Thẻ và Phiếu biểu quyết
	I. THỦ TỤC KHAI MẠC
8h00-8h15	Khai mạc Đại hội, Giới thiệu đại biểu Báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội Giới thiệu chủ tọa Đại hội
8h15-8h40	Thông qua Đoàn Chủ tịch Thông qua Ban Thư ký; Ban kiểm phiếu và kiểm thẻ Thông qua Thể lệ biểu quyết Thông qua Quy chế làm việc Thông qua Chương trình Đại hội
	II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI
8h40-10h00	Các Báo cáo và Tờ trình
10h00-10h15	**Ban điều hành trình:** 1. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2016, phương hướng hoạt động năm 2017. **Hội đồng quản trị trình:** 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016 3. Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán 4. Tờ trình Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 5. Tờ trình Kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2017 6. Tờ trình Thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2016 7. Tờ trình Kế hoạch Thù lao HĐQT và BKS năm 2017 8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm 2017 9. Tờ trình Phương án triển khai dự án Hồng Hà Office Tower 94 Lò Đúc **Ban kiểm soát trình:** 10. Báo cáo hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ năm 2016-2017 Thảo luận & Biểu quyết
10h15-10h30	Nghỉ giải lao
10h30-10h35	Công bố kết quả biểu quyết
	III. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI
10h35-10h45	Thông qua Biên bản Đại hội
10h45-11h00	Thông qua Nghị quyết Đại hội
11h00-	Bế mạc Đại hội

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày tháng 04 năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017

Kính gửi: **Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017**
Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Họ và tên : .....

Số CMND:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ :.....

Là người đại diện pháp nhân của cổ đông (nếu có):.....

Số cổ phần sở hữu : .....

Căn cứ Thông báo mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, tôi xin xác nhận việc tham dự như sau:

1.Trực tiếp tham dự: ☐

2.Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ và tên : .....

Số CMND:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Chức vụ (nếu có) :.....

Hoặc ủy quyền cho:

Ông/Bà ……..	Chủ tịch Hội đồng quản trị	☐
Ông/Bà ……..	Thành viên Hội đồng quản trị	☐
Ông/Bà ……..	Trưởng Ban kiểm soát	☐
Ông/Bà ……..	Thành viên Ban kiểm soát	☐

Được thay mặt tôi tham dự ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/04/2017 của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà và được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

Giấy xác nhận này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi kết thúc Đại hội.

Tôi xin cam đoan chấp thuận và không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được tôi ủy quyền trên đây.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI THAM DỰ/NGƯỜI ỦY QUYỀN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)

....

Lưu ý: Cổ đông điền đầy đủ họ tên, số CMND/hộ chiếu, nơi cấp và ngày cấp của người được ủy quyền và vui lòng fax hoặc gửi xác nhận tham dự về Công ty **trước 16^{h}00' ngày 26/04/2017** theo địa chỉ sau:

Ông Cao Sơn Thủy – Trưởng Phòng TCHC, Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Trụ sở: 672 Ngô Gia Tự - Long Biên – Hà Nội

Điện thoại: 04.22103919; Fax: 04.36524351; Di động: 0913234237

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

[Dự thảo] THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 28/04/2017
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

QUYẾT ĐỊNH

Thông qua Thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2017 Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Đại hội"), như sau:

1. Nguyên tắc chung:

- Mọi nghị quyết, quyết định tại Đại hội đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp;
- Các nghị quyết, quyết định của Đại hội chỉ có giá trị khi kết quả biểu quyết phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty;
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

2. Cách thức biểu quyết:

Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành theo 2 cách dưới đây

2.1. Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, được thực hiện dưới sự điều hành của Chủ toạ, theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- Hình thức này được sử dụng để biểu quyết các vấn đề sau:
  - ✓ Thông qua đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm thẻ/phiếu;
  - ✓ Thông qua Thể lệ biểu quyết;
  - ✓ Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội;
  - ✓ Thông qua Chương trình Đại hội;
  - ✓ Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

2.2. Biểu quyết bằng hình thức thu Phiếu biểu quyết:

- Cách thức ghi Phiếu biểu quyết: Với mỗi nội dung ghi trên Phiếu biểu quyết, cổ đông có ý kiến như thế nào (tán thành/không tán thành/không có ý kiến) thì ghi ký hiệu "X" vào ô tương ứng với ý kiến đó.
- Hình thức này được sử dụng để biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình.

3. Thẻ/Phiếu biểu quyết:

- Khi tiến hành đăng ký dự Đại hội, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền:

- ✓ Một Thẻ biểu quyết: trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông (hoặc họ và tên đại diện được uỷ quyền) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- ✓ Một Phiếu biểu quyết: trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông (hoặc họ và tên đại diện được uỷ quyền), số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và nội dung cần biểu quyết được quy định tại Mục 2.2 của thể lệ này.

Nếu phát hiện có nhầm lẫn thì người biểu quyết phải báo ngay với Trưởng Ban kiểm thẻ/phiếu đề nghị đổi Thẻ/Phiếu biểu quyết.

- Thẻ/Phiếu biểu quyết hợp lệ là:
  - ✓ Do Ban tổ chức Đại hội phát ra và có dấu của Công ty;
  - ✓ Không bị rách, tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác;
  - ✓ Đối với Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp.
- Thẻ/Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
  - ✓ Không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra hoặc không có dấu của Công ty;
  - ✓ Thẻ/Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm các nội dung, ký hiệu khác;
  - ✓ Phiếu biểu quyết không có chữ ký, không ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp.

4. Kết quả biểu quyết:

- Ban kiểm thẻ/phiếu sẽ tổng hợp kết quả biểu quyết từng nội dung theo:
  - ✓ Số cổ phần biểu quyết Tán thành;
  - ✓ Số cổ phần biểu quyết Không tán thành;
  - ✓ Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến.
- Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.
- Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu và kiểm thẻ biểu quyết lập Biên bản, có ký xác nhận của các thành viên và trình Chủ tọa Đại hội.
- Kết quả biểu quyết được Chủ toạ thông báo trước khi thông qua nghị quyết Đại hội.
- Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội./.

TRƯỞNG BAN	**CHỦ TỊCH ĐOÀN**
Hoàng Mạnh Ánh	**Võ Sỹ Dởng**

CTY CP VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ SINCE 1959

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

[Dự thảo] QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 28/04/2017
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Điều 1. Những quy định chung:

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2017 Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Đại hội").
- Cổ đông/đại diện cổ đông ("cổ đông") tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Trật tự của Đại hội:

- Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức, trang phục chỉnh tề và không hút thuốc lá trong phòng tổ chức Đại hội.
- Cổ đông không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội, điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển chế độ không chuông.

Điều 3. Trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu và Ban thư ký:

1. **Đoàn chủ tịch:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa Đại hội.
- Chủ tọa Đại hội đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm thẻ/phiếu, Đại diện cổ đông giám sát bầu cử (nếu có) và phải được Đại hội biểu quyết thông qua tại cuộc họp.
- Đoàn chủ tịch có trách nhiệm tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.
- Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

2. **Ban kiểm thẻ/phiếu:** Có trách nhiệm giám sát, ghi nhận kết quả kiểm thẻ, kiểm phiếu biểu quyết. Phổ biến, hướng dẫn Thể lệ biểu quyết và tổng hợp kết quả biểu quyết theo từng nội dung. Lập biên bản kiểm thẻ/phiếu biểu quyết và thông báo kết quả với Chủ tọa Đại hội kịp thời.
3. **Ban thư ký:** thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, ghi chép trung thực, chính xác nội dung Đại hội, tiếp nhận các phiếu đóng góp ý kiến/câu hỏi của cổ đông. Công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 4.Điều kiện tiến hành Đại hội:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5. Cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ thảo luận và biểu quyết thông qua chương trình và nội dung cuộc họp ngay

sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký để buổi họp được diễn ra hợp lệ.

- Đại hội sẽ lần lượt nghe các báo cáo, tờ trình và tiến hành thảo luận, biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã được Đại hội thông qua.
- Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo Thể lệ biểu quyết được Đại hội thông qua.
- Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông tham dự Đại hội muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Giơ tay đề nghị phát biểu ý kiến và chỉ được phát biểu sau khi Chủ tọa cho phép.
- Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu.
- Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.
- Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu ý kiến quá dài, không phù hợp với nội dung Đại hội hoặc thấy cần thiết.
- Nội dung phát biểu ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội.
- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.
- Thời gian phát biểu không quá 05 phút cho 01 lần phát biểu.

Trường hợp đã hết thời gian dành cho nội dung đó mà cổ đông vẫn còn ý kiến hoặc câu hỏi chưa phát biểu hết thì có thể gửi ý kiến bằng văn bản cho Chủ tọa. Ý kiến bằng văn bản có giá trị như một bài phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

Điều 7. Thông qua quyết định của Đại hội:

Các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

Trên đây là Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2017 Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

Kính trình Đại hội thông qua!

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Võ Sỹ Dởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2017/BC-TGĐ	

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 & PHƯƠNG HƯỚNG SXKD NĂM 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

1. Đặc điểm tình hình chung năm 2016

1.1. Thuận lợi:

Tình kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2016 có nhiều cải thiện hơn so với năm 2015.

Giá các nguyên vật liệu chính của Công ty năm 2016 như giấy, nhựa ... vẫn tương đối ổn định.

Lãi suất ngân hàng mặc dù đã có xu hướng tăng nhẹ, nhưng về cơ bản vẫn ổn định ở mức thấp so với thời kỳ đỉnh điểm những năm 2010-2013.

Công ty đang từng bước thực hiện nghiên cứu chiến lược, tái cơ cấu về nhân sự và thiết bị nhằm tạo sự bứt phá trong thời gian tới.

Thương hiệu Hồng Hà không ngừng được đầu tư các nguồn lực để giữ vững uy tín trong lòng người tiêu dùng.

Hệ thống phân phối ổn định và ngày càng chuyên nghiệp.

1.2. Khó khăn:

Nền kinh tế Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng tiêu dùng còn thấp. Giá xăng dầu và phí đường bộ đều có xu hướng tăng khiến chi phí vận chuyển chịu ảnh hưởng tăng theo.

Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp mới gia nhập ngành. Các doanh nghiệp mới gia nhập ngành đang triển khai các biện pháp cạnh tranh bằng giá nhằm mục tiêu tăng độ phủ. Việc các hãng giảm giá sâu liên tục trong năm 2016 khiến hệ thống phân phối bị nhiễu và sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt với khu vực Miền Nam và Miền Trung.

Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng lậu tràn lan trên thị trường. Đặc biệt, các dòng sản phẩm bút máy bị làm giả, làm nhái xuất hiện nhiều trên thị trường đã ảnh hưởng tới thương hiệu, uy tín của Công ty.

Nhân sự còn yếu và thiếu, tính ổn định không cao làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

2. Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

2.1. Thực hiện các chỉ tiêu cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016		Th/hiện năm 2015	So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH2016/ TH2015	TH/KH 2016
1	2	3	4	5	6	7 = 5/6	8 = 5/4
1	Tổng doanh thu (DT)	Tr.đ	548.000	553.717	520.115	106,46%	101,04%
2	Giảm trừ DT	Tr.đ	23.000	23.417	20.922	111,93%	101,81%
3	Tổng DT sau giảm trừ	Tr.đ	525.000	530.300	499.193	106,23%	101,01%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	494.000	495.600	443.699	111,70%	100,32%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	31.000	34.700	55.494	62,53%	111,94%
	Trong đó:						
*	*LN từ cho thuê dài hạn tại 25LTK*	*Tr.đ*			*25.197*		
*	*LN từ SXKD*	*Tr.đ*	*31.000*	*34.699*	*30.297*	*114,53%*	*111,93%*
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	23.680	27.165	43.209	62,87%	114,72%
7	Tỷ suất LNST/DT	%	4,43%	4,91%	8,31%	59,04%	110,78%
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	41,16%	46,07%	73,28%	62,87%	111,93%
9	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	3.600	3.686	6.082	60,61%	102,39%
10	Lao động BQ (người/tháng)	Người	400	436	430	101,40%	109,00%
11	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	8.000	8.031	7.013	114,52%	100,39%
12	Cổ tức	%	18%	30%	25%	120,00%	166,67%

Ghi chú: Tr.đ: Triệu đồng; DT: Doanh thu; TN: Thu nhập; VĐL: Vốn điều lệ; BQ: Bình quân; LNST: Lợi nhuận sau thuế

Số liệu trong chỉ tiêu "Tổng doanh thu" trong Báo cáo này là số liệu chưa trừ đi phần chiết khấu giảm giá hàng bán. Năm 2015, tổng chiết khấu giảm giá hàng bán là 20.664.980.863 đồng; năm 2016, tổng chiết khấu giảm giá hàng bán là 21.839.727.671 đồng.Trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán, chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01) là số liệu doanh thu đã trừ đi phần chiết khấu giảm giá hàng bán.

Năm 2016, Công ty ghi nhận tăng trưởng tốt cả doanh thu và lợi nhuận so với năm 2015. Tổng doanh thu năm 2016 tăng 6,46 % so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, nếu so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ năm 2016 đã thông qua thì tổng doanh thu chỉ tăng 1,04%. Nguyên nhân chủ yếu để doanh thu chỉ tăng nhẹ so với kỳ vọng là do doanh thu tại thị trường Miền Nam mặc dù có tăng so với cùng kỳ năm 2015 nhưng vẫn không đạt như dự kiến từ đầu năm do đặc thù cạnh tranh trên thị trường và yếu tố nhân sự (cả nhân sự quản lý) chưa thực sự ổn định.

2.2. Thực hiện các mặt công tác khác:

2.2.1.Công tác tổ chức- tiền lương:

Thời điểm 31/12/2016, Công ty có 435 lao động, trong đó lao động nữ chiếm trên 45%. Lao động có trình độ trên đại học chiếm 1,38%; trình độ đại học chiếm 29,2%; trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm 59,77%; lao động phổ thông chiếm 9,66%.

Công tác ATLĐ và vệ sinh công nghiệp: ý thức chấp hành và công tác kiểm tra, giám sát hoạt động ATLĐ và vệ sinh công nghiệp đã dần hình thành nề nếp.

Công tác tiền lương được triển khai đúng tiến độ và quy định của nhà nước và công ty. Thu nhập bình quân năm 2016 đạt trên 8 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năm 2015.

2.2.2.Công tác Kỹ thuật công nghệ - đầu tư:

Về Kỹ thuật công nghệ:

Năm 2016, công ty đã đầu tư và hoàn thiện công nghệ sản xuất cho các thiết bị mới như máy làm tập vở học sinh tự động, máy đếm giấy, máy làm bìa sổ 3 mảnh, máy ép nhựa 180 tấn, máy bơm mực bút bi/gel, máy gia công túi myclear/túi hở ...

Bổ sung và xây dựng mới các quy trình công nghệ cho thiết bị mới và xưởng giấy vở sau mở rộng.

Nâng cao quy trình KCS giúp giảm tỷ lệ hàng hỏng, lỗi.

Liên tục rà soát và áp dụng định mức vật tư mới giúp giảm tỷ lệ tiêu hao vật tư.

Về Kỹ thuật đầu tư:

Với mục tiêu mở rộng ngành hàng, phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng suất và chất lượng cho sản phẩm, năm 2016 HĐQT Công ty dự kiến tổng mức đầu tư cho thiết bị và xây dựng cơ bản là hơn 50 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2016, tổng các hạng mục thực hiện là trên 20 tỷ đồng. Phần kế hoạch đầu tư chưa thực hiện được trong năm 2016 sẽ được chuyển tiếp thực hiện trong năm 2017.

Bên cạnh đó, cuối năm 2016 đầu năm 2017, Công ty cũng đã hoàn thiện việc cải tạo nhà xưởng sản xuất cho phân xưởng giấy vở với diện tích 4.200 m^2.

2.2.3.Công tác Tài chính kế toán:

Về cơ bản, tình hình tài chính năm 2016 của Công ty là tương đối tốt, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều tăng trưởng so với năm 2015, chi phí được kiểm soát, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển.

Năm 2016, Công ty đã triển khai xong hệ thống phần mềm quản trị sản xuất cho các phân xưởng nhằm kiểm soát chặt chẽ công tác sản xuất đồng thời giúp đẩy nhanh tiến độ quyết toán trong Công ty.

2.2.4.Công tác kế hoạch - sản xuất:

Năm 2016, công tác sản xuất có nhiều thuận lợi do các thiết bị đầu tư trong năm 2015 đã chạy ổn định. Kết hợp với việc đẩy sớm kế hoạch sản xuất ngay từ đầu năm nên năm 2016 hầu như không còn tình trạng cháy hàng. Không chỉ các mặt hàng truyền thống được đảm bảo về sản lượng và tiến độ, các mặt hàng đặt cũng được rút ngắn thời gian hoàn thành nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kênh trường học. Sản lượng sản xuất các ngành hàng chính là giấy vở, bút và DCHS đều tăng so với cùng kỳ năm 2015. Cùng với việc tăng trưởng sản xuất, sản lượng xuất bán cũng tăng và tồn kho vật tư, hàng hóa, thành phẩm cũng được dự phòng và kiểm soát tốt.

2.2.5.Công tác cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt và Dự án 94 Lò Đúc:

Dự án 25 Lý Thường Kiệt:

Tính đến 31/12/2016, dự án đã cho thuê được 10.567 m^2 đạt 95% diện tích cho thuê. Bên cạnh đó, các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ tại toà nhà cũng được chú trọng triển khai nhằm đáp ứng lượng khách thuê tăng và nâng cao hình ảnh chung của dự án

Dự án 94 Lò Đúc:

Trong năm 2016, dự án 94 Lò Đúc vẫn chưa được triển khai. Công ty đã cùng đơn vị đối tác bàn bạc phương án hợp tác trong thời gian tới nhưng vẫn chưa thống nhất.

2.2.6. Tình hình triển khai công tác bán hàng và marketing:

Công tác bán hàng năm 2016 được đánh giá là nhiều khó khăn do phân khúc khách hàng mục tiêu và dải sản phẩm của Công ty quá rộng vì vậy trong quá trình triển khai thị trường, chúng ta phải đối đầu với rất nhiều đối thủ. Các đối thủ đều tăng ngân sách cho khuyến mại và phát triển điểm bán nên áp lực cạnh tranh đối với Công ty ngày càng lớn.

Trước những khó khăn đó, việc phối hợp triển khai tốt giữa các bộ phận kế hoạch, thị trường và marketing đã giúp doanh thu các khu vực thị trường cũng như tổng doanh thu vẫn có sự tăng trưởng so với năm 2015, đặc biệt là thị trường Miền Trung với mức tăng trưởng trên 20%.

Năm 2016, hoạt động marketing được đầu tư chuyên sâu với các dự án về chiến lược thương hiệu và nhận diện thương hiệu nhằm phù hợp với định hướng của ngành giáo dục cũng như đáp ứng mục tiêu phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty. Bên cạnh đó, các định hướng tập trung vào phân khúc khách hàng mục tiêu (THCS, THPT, sinh viên) và độ phủ sản phẩm, nhận diện thương hiệu tại điểm bán tiếp tục được đẩy mạnh thông qua các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D), truyền thông mạng, trưng bày, sự kiện, khuyến mại dành cho người tiêu dùng ...

3. Chỉ tiêu và các biện pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

3.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016		Kế hoạch 2017	So sánh 2017/2016 (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		Với KH	Với TH
1	2	3	4	5	6	(7)=6/4	(8)=6/5
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	58.961	58.961	**58.961**	100,00%	100,00%
2	Tổng doanh thu *(chưa trừ CK giảm giá)*	Tr.đ	548.000	553.717	**570.000**	104,01%	102,94%
3	Tổng doanh thu *(đã trừ CK giảm giá)*	Tr.đ	526.080	531.877	**547.200**	104,01%	102,88%
4	Nộp NSNN	Tr.đ	Theo LĐ	37.328	Theo LĐ		
5	LN SXKD trước thuế	Tr.đ	31.000	34.699	**35.000**	112,90%	100,87%
6	Lao động BQ (người/tháng)	Người	400	436	**410**	102,50%	94,04%
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	8.000	8.031	**9.000**	112,50%	112,07%
8	Cổ tức	%	18%	30%	**30%**	166.67%	100.00%

3.2. Các biện pháp triển khai thực hiện:

3.2.1. Công tác tổ chức nhân sự - tiền lương:

Công tác tuyển dụng và đào tạo được thực hiện ngay từ đầu năm nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự của các phòng ban. Bên cạnh đó, ưu tiên phương án luân chuyển nhân sự giữa các bộ phận nhằm tránh tăng quy mô lao động.

Xây dựng kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu của từng đơn vị, đáp ứng được mục tiêu của Công ty. Đặc biệt chú trọng tuyển dụng, đào tạo công nhân kỹ thuật vận hành các thiết bị mới đầu tư.

Tiếp tục tuyển dụng thêm cán bộ quản lý cấp trung nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và tăng cường khả năng thực hiện kế hoạch của Công ty.

Liên tục rà soát đơn giá tiền lương, đặc biệt sau khi có những thay đổi mới về quy trình công nghệ, thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Xây dựng quy chế thưởng phạt nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc, tránh lãng phí.

3.2.2.Công tác Đầu tư - Kỹ thuật:

Năm 2017, công tác đầu tư tiếp tục được triển khai nhằm hoàn thiện các hạng mục đã được HĐQT phê duyệt năm 2016. Hướng đến mở rộng quy mô nhà xưởng, mở rộng ngành hàng sản xuất và hoàn thiện các quy trình công nghệ cho thiết bị và sản phẩm mới.

Ngoài ra, cũng sẽ tập trung đầu tư cho phân xưởng nhựa nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng ngành hàng sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường và gia tăng tỷ lệ doanh thu ngành hàng nhựa trong tổng doanh thu Công ty.

Quy hoạch và mở rộng khu làm việc của khối văn phòng

Tăng cường công tác quản trị chất lượng sản phẩm. Nâng cao chất lượng bao bì sản phẩm.

Rà soát chặt chẽ định mức vật tư tránh lãng phí, giảm giá thành sản phẩm. Phấn đấu đưa năng suất lao động tăng 10% so với năm 2016.

3.2.3.Công tác tài chính:

Đảm bảo quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo cung cấp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo thanh toán đủ, đúng hạn các khoản lương, thưởng cho người lao động.

Nghiên cứu, áp dụng quy trình quyết toán chuẩn cho các xưởng sản xuất góp phần quản trị tốt chi phí phân xưởng đồng thời đẩy nhanh tiến độ quyết toán chi phí trong năm 2016.

Nghiên cứu, áp dụng quy trình quản lý hàng tồn kho, quản lý thanh toán xuất nhập khẩu trong Công ty và một số quy trình quản trị khác nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả trong công tác quản lý vốn Doanh nghiệp.

3.2.4.Kế hoạch - Thị trường:

Về công tác kế hoạch:

Tiếp tục quy hoạch và mở rộng kho vật tư, hàng hóa.

Tìm kiếm thêm nhà cung cấp để có được sự cạnh tranh về giá, chất lượng, tiến độ cung cấp vật tư, hàng hóa.

Đẩy mạnh kế hoạch sản xuất ngay từ đầu năm nhằm nâng cao khả năng chủ động ứng phó với thị trường trong tháng vụ.

Về công tác thị trường, marketing:

Triển khai các ứng dụng công nghệ trong chiến lược thương hiệu mới.

Xác định và tập trung đầu tư cho 2 động lực tăng trưởng trong giai đoạn 2017-2020 là hoạt động phát triển kênh phân phối và hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).

Công ty sẽ đầu tư xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới đáp ứng mục tiêu hướng tới sự chuyên nghiệp và thân thiện với khách hàng.

Tiếp tục triển khai quản lý điểm bán bằng phần mềm trên quy mô khu vực miền bắc.

3.2.5.Dự án 25 Lý Thường Kiệt và 94 Lò Đúc

Về dự án 25 Lý Thường Kiệt: Hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt.

Về dự án 94 Lò Đúc: Tích cực làm việc với đơn vị đối tác để có phương án hợp tác hiệu quả.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký, đóng dấu)

Trương Quang Luyến

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT-HC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02/2017/BC-HĐQT	Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

1. Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2016

Năm 2016, kinh tế chính trị thế giới có nhiều biến động lớn làm ảnh hưởng đến tình hình kinh tế của Việt Nam. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP không đạt chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên, về chủ đạo, kinh tế Việt Nam đã có nhiều cải thiện đáng kể. Năm 2016 ghi nhận số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng kỷ lục. Tính chung cả năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới đạt mức 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16% so với năm 2015.

Trong nội tại Công ty, bên cạnh những thuận lợi như: thương hiệu Hồng Hà vẫn giữ được uy tín trong lòng người tiêu dùng; sự đoàn kết nhất trí từ HĐQT đến Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, ... Công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn. Khó khăn chủ yếu phải kể đến là tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường với sự tham gia của các đối tác nước ngoài rất mạnh về vốn và công nghệ. Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng lậu vẫn tràn lan trên thị trường làm ảnh hưởng tới thương hiệu, uy tín của Công ty.

Thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2016

STT	Chỉ tiêu (triệu đồng)	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tăng trưởng so với 2015	% vượt kế hoạch
1	Tổng doanh thu *(chưa trừ CK giảm giá)*	520.115	548.000	553.717	106,46%	1,04%
2	Lợi nhuận trước thuế	55.494	31.000	34.699	62,53%	11,93%
3	Lợi nhuận sau thuế	43.209	24.269	27.165	62,87%	11,93%

Tổng lợi nhuận trước và sau thuế năm 2016 giảm bằng 62% so với năm 2015 là do năm 2015 Công ty hạch toán giảm phần chi phí trích trước tương ứng với phần doanh thu cho Công ty Thuận An Building thuê dài hạn tầng 3,4,5,6 tại Tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt mà Công ty đã hạch toán một lần trong năm 2014. Tổng chi phí hạch toán giảm trong năm 2015 là 25,197 tỷ làm lợi nhuận tăng tương ứng 25,197 tỷ. Nếu không tính phần lợi nhuận tăng thêm 25,197 tỷ này trong năm 2015 thì lợi nhuận từ SXKD của Công ty năm 2016 tăng 14,53% so với năm 2015.

Như vậy, mặc dù thị trường văn phòng phẩm, giấy vở có nhiều khó khăn song doanh thu và lợi nhuận SXKD của Công ty vẫn có tăng trưởng so với năm 2015 và vượt mức kế hoạch 2016 mà ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2016

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
- Khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,38	1,50
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,35	0,35
- Cơ cấu vốn		
+ Nợ / Tổng tài sản	0,72	0,71
+ Nợ / Vốn chủ sở hữu	2,52	2,48
- Năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,24	2,26
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,13	1,12
- Khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	0,07	0,06
+ Lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu	0,26	0,24
+ Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	0,07	0,07

Về cơ bản, tình hình tài chính năm 2016 của Công ty là tương đối tốt. Các chỉ tiêu tài chính liên quan đến khả năng sinh lời đều có tăng trưởng. Các chỉ tiêu về thanh toán và cơ cấu vốn có giảm nhẹ so với năm 2015 chủ yếu là do các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tăng. Năm 2016, Công ty chi cho đầu tư TSCĐ hoàn toàn bằng nguồn vốn tự có nên số vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động tăng.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016

2.1. Thành phần Hội đồng quản trị

Tại thời điểm 31/12/2016, thành viên HĐQT Công ty bao gồm:

1. Ông Võ Sỹ Dởng - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Bùi Kỳ Phát - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Trương Quang Luyến - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4. Bà Đào Thị Mai Hạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
5. Ông Nguyễn Hưng - Thành viên
6. Ông Bùi Quốc Giang - Thành viên
7. Ông Phan Hưng - Thành viên

Ông Võ Sỹ Dởng được HĐQT bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 14/11/2016 trong cuộc họp HĐQT ngày 12/11/2016.

2.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Võ Sỹ Dởng	Chủ tịch	6/6	100%
2	Ông Bùi Kỳ Phát	Phó CT	6/6	100%
3	Ông Trương Quang Luyến	Thành viên	6/6	100%
4	Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên	6/6	100%
5	Ông Nguyễn Hưng	Thành viên	6/6	100%
6	Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên	6/6	100%
7	Ông Phan Hưng	Thành viên	6/6	100%

Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành 6 cuộc họp định kỳ/mở rộng. Các thành viên HĐQT đều trực tiếp tham dự đầy đủ các cuộc họp này.

Năm 2016, HĐQT đã ban hành 10 Nghị quyết và 8 Quyết định để thông qua và quyết định các vấn đề như: Thông qua Kế hoạch cũng như tình hình SXKD hàng quý năm 2016; Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016; Các Phương án huy động vốn và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư; Tạm ứng cổ tức năm 2016 và các chương trình công tác của các thành viên HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định do HĐQT ban hành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.

2.3. Thù lao Hội đồng quản trị năm 2016

Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đã thông qua tổng thù lao của Hội đồng quản trị năm 2016 là 576 triệu đồng. Công ty đã chi đúng, chi đủ số thù lao cho HĐQT theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết mà ĐHĐCĐ thường niên 2016 đã thông qua.

2.4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Tổ chức họp và thẩm định các Báo cáo và Tờ trình của Tổng giám đốc Công ty về việc tổng kết cũng như kế hoạch hoạt động SXKD, phương án vay vốn Ngân hàng, tiến độ và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư.

HĐQT đã trao đổi, thảo luận với Ban điều hành về việc thực hiện các chiến lược, mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 29/04/2016 để đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban điều hành.

Kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, đóng góp ý kiến với Tổng giám đốc cũng như Ban điều hành Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD đã đề ra. HĐQT luôn trao đổi cởi mở và bàn bạc chi tiết với những ý kiến đóng góp cũng như đề xuất của Ban kiểm soát. Các ý kiến đóng góp đều được tôn trọng và cân nhắc khi HĐQT hoặc Tổng giám đốc ra quyết định.

HĐQT luôn đưa ra Nghị quyết sau mỗi buổi họp thường kỳ hoặc bất thường để thông qua tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty, kế hoạch SXKD của quý tiếp theo và các biện pháp triển khai để Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

2.5. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2017, mặc dù kinh tế vĩ mô được dự đoán tiếp tục có những biến chuyển tích cực, song do tình hình cạnh tranh riêng trên thị trường văn phòng phẩm, giấy vở sẽ ngày càng khốc liệt, nên HĐQT đánh giá vẫn là giai đoạn khó khăn đối với Công ty. Trong tình hình này, HĐQT sẽ phải tiếp tục tăng cường công tác quản trị, giám sát chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Định hướng của HĐQT sẽ tập trung vào một số mặt sau:

<u>Các chỉ tiêu chủ yếu</u>

- Doanh thu kế hoạch năm 2017: 570 tỷ đồng
(chưa trừ CK giảm giá)
- Doanh thu kế hoạch năm 2017: 547,2 tỷ đồng
(đã trừ CK giảm giá)

- Lợi nhuận kế hoạch năm 2017: 35 tỷ đồng
- Lương trung bình dự kiến năm 2017: 9 triệu đồng/người/tháng
- Dự kiến cổ tức 2017: 30% vốn điều lệ

Về triển khai các dự án

Dự án 25 Lý Thường Kiệt: Theo dõi và chỉ đạo sát sao việc hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt. Ban Tổng giám đốc phải có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ cung cấp tại tòa nhà đồng thời tăng tỷ lệ lấp đầy của tòa nhà trong năm 2017.

Về dự án 94 Lò Đúc: Trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua phương án chuyển nhượng lại quyền và nghĩa vụ của Công ty tại dự án này.

HĐQT Công ty nhất quán với chủ trương:

Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập;

Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà".

Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký, đóng dấu)

Võ Sỹ Dởng

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu HC.

CÔNG TY CỔ PHẦN **VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 03/2017/TTr-HĐQT	

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

1. Khái quát chung về Công ty:

Công ty Văn Phòng phẩm Hồng Hà được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 25/08/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần) số 0100100216 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016.

Theo giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016 thì:

+ Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ chín trăm sáu mươi mốt triệu đồng).

+ Địa chỉ trụ sở chính: Số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

+ Địa điểm 2: Số 672 Ngô Gia Tự , P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội.

Các thành viên Ban điều hành Công ty năm tài chính 2016 gồm:

1- Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
2- Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
3- Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng Giám đốc
4- Ông Nguyễn Quang Vũ	Kế toán trưởng

Ban điều hành Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Đảm bảo các Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán bao gồm:

- Báo cáo của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2016;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016.

Các báo cáo trên được lập ngày 25 tháng 03 năm 2017. Theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam, kiểm toán viên có trách nhiệm đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Toàn văn Báo cáo kiểm toán đã kiểm toán được Công ty đăng tải trên website Công ty từ ngày 30/03/2017 (website: http://www.vpphongha.com.vn).

Kính trình Đại hội thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký, đóng dấu)

Võ Sỹ Dởng

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 04/2017/TTr-HĐQT	Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH
Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 29/04/2016;
- Căn cứ kết quả Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện;
- Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 của Ban kiểm soát Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

TT	Diễn giải	Kế hoạch*	Thực hiện	
			Tỷ lệ	Thành tiền
	Lợi nhuận sau thuế			**27.164.886.473**
1	Chia cổ tức bằng tiền	18 % VĐL	30% VĐL	17.688.300.000
2	Trích Quỹ Phúc lợi Khen thưởng	15% LNST	15 % LNST	4.074.732.971
3	Trích Quỹ Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	5% LNST	~8% LNST	2.240.000.000
4	Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5% LNST	5% LNST	1.358.244.324
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Phần LNST còn lại	Phần LNST còn lại	1.803.609.178

** Kế hoạch: là kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua ngày 29/04/2016.*

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký, đóng dấu)

Võ Sỹ Dởng

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Số: 05/2017/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

TT	Diễn giải	Thành tiền	Tỷ lệ
	Lợi nhuận sau thuế dự kiến	**27,50 tỷ đồng**	
	Kế hoạch Phân phối lợi nhuận như sau:		
1	Chia cổ tức	17,69 tỷ đồng	30 % VĐL
2	Trích Quỹ Phúc lợi Khen thưởng	2,75 tỷ đồng	10% LNST
3	Trích Quỹ Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	2,75 tỷ đồng	10% LNST
4	Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,38 tỷ đồng	5% LNST
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	2,93 tỷ đồng	Phần LNST còn lại

Ghi chú: Quỹ Thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành chỉ được trích khi doanh thu và lợi nhuận thực tế năm 2017 đạt tối thiểu 100% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết.

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký, đóng dấu)

Võ Sỹ Dởng

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Số: 06/2017/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2016, ngày 29/04/2016;
- Căn cứ kết quả Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện;
- Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo thù lao đã chi trả cho HĐQT và BKS Công ty năm 2016 như sau:

Nội dung	Thành tiền (đồng)
Thù lao Hội đồng quản trị	576.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	132.000.000
Tổng cộng	**708.000.000**

Tổng chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2016 đúng trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký, đóng dấu)

Võ Sỹ Dởng

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 07/2017/TTr-HĐQT	

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

Kế hoạch Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017;
- Căn cứ vào tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua mức thù lao năm 2017 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cụ thể như sau:

Hội đồng quản trị: **576.000.000 đồng**

Ban Kiểm soát: **132.000.000 đồng**

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký, đóng dấu)

Võ Sỹ Dởng

CÔNG TY CỔ PHẦN **VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ** ---------- Số: 08/2017/TTr-HĐQT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

Đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ vào đề xuất của Trưởng Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 xem xét, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (gọi tắt và "ANVIET CPA").

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đã được Bộ Tài chính, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện hành nghề kiểm toán độc lập, đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập cho các đơn vị có lợi ích công chúng và các đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán. ANVIET CPA cũng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính kế toán và thuế; đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của nhiều tổng công ty và các doanh nghiệp có quy mô lớn trong nước.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký, đóng dấu)

Võ Sỹ Dởng

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ** --- Số: 09/2017/TTr-HĐQT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

Phương án triển khai dự án Hồng Hà Office Tower tại 94 Lò Đúc

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Công ty", "Công ty Hồng Hà");
- Căn cứ Biên bản số 06/2017/BB-HĐQT ngày 15/04/2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà;

ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 29/04/2016 đã nhất trí thông qua chủ trương "*Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập; Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà"*" và "*Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.*"

Vì vậy, căn cứ vào tình hình thực tế dự án Hồng Hà Office Tower tại 94 Lò Đúc, vì nhiều lý do khách quan, đã rất lâu không triển khai được. Đồng thời nhằm tạo lợi thế cho Công ty để đầu tư vào ngành nghề SXKD chính và đảm bảo tối đa quyền lợi của Công ty cũng như của cổ đông. Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc triển khai dự án Hồng Hà Office Tower tại 94 Lò Đúc. Cụ thể như sau:

- Công ty Hồng Hà sẽ chuyển nhượng lại quyền và nghĩa vụ của Công ty tại dự án Hồng Hà Office Tower 94 Lò Đúc.

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề có liên quan đến việc chuyển nhượng nêu trên và thực hiện theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký, đóng dấu)

Võ Sỹ Dởng

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: 01/2017/BC-BKS	Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG HỒNG HÀ GIỮA HAI KỲ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016 - 2017

Kính thưa các quý vị cổ đông !

Kính thưa đoàn chủ tịch và các vị khách mời !

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Công ty"), Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") như sau:

1. Tình hình chấp hành và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quy định, quy chế hoạt động nội bộ của Công ty

1.1. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát Công ty

Tại thời điểm 31/12/2016, Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Ông Nông Văn Quyết - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Tạ Quốc Bình - Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Bùi Thị Thủy - Thành viên Ban kiểm soát

1.2. Công tác điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2016

1.2.1. Các chỉ tiêu thực hiện:

- Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty đạt 553,7 tỷ đồng (đã trừ chiết khấu giảm giá), tăng 1,04% so với kế hoạch năm và tăng 6,46% so với năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế 34,7 tỷ đồng, tăng 11,94% so với kế hoạch và tăng 14,53% so với năm 2015 (lợi nhuận so sánh không tính doanh thu cho thuê nhà 25 Lý Thường Kiệt hạch toán một lần).

- Lợi nhuận sau thuế đạt 27,165 tỷ đồng, tăng 14,72% so với kế hoạch và bằng 62,87% so với năm 2015.

- Cổ tức dự kiến là 30%, tăng 66,67% so với kế hoạch tăng 20% so với năm 2015.

1.2.2. Các mặt hoạt động

- Công tác tổ chức: Công ty tiếp tục triển khai và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự phù hợp với tình hình SXKD; thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị trong Công ty.

- Công tác tài chính: Công ty đã tăng cường kiểm soát chi phí thông qua các chứng từ thu chi và các hóa đơn, phiếu xuất. Công tác thống kê - kế toán đã được hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn cho hoạt động quản trị SXKD.

- Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, định mức vật tư tiếp tục được quản lý giám sát. Thường xuyên rà soát các hạng mục đầu tư thực sự cần thiết cho sản xuất nhằm ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời tiếp tục hoàn thiện việc tiêu chuẩn hóa các thông số vật tư, sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Công tác kế hoạch thị trường: tiếp tục phù hợp với tình hình mới. Hệ thống phân phối đã cơ bản ổn định và có nhiều biện pháp để thúc đẩy mạnh mẽ công tác tiêu thụ, độ phủ của sản phẩm được mở rộng ở khu vực Miền Trung và Miền Nam. Trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt đòi hỏi Công ty phải chú trọng hơn nữa đến công tác này.

- Tiền lương và các chế độ đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ đối với người lao động: ký Hợp đồng với người lao động trong Công ty, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng hạn; thực hiện cấp phát bảo hộ lao động, bồi dưỡng ca 3, độc hại đầy đủ đúng đối tượng; duy trì bữa ăn giữa ca, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.Thu nhập bình quân tháng của người lao động trong trong năm là 8.031.000 đồng/ng/th, tăng 0,39% so với kế hoạch và tăng 14,52% so với năm 2015.

1.3. Triển khai các dự án

1.3.1. Dự án Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt

- Tỷ lệ cho thuê đạt 95% tổng diện tích cho thuê tại tòa nhà. Công ty cần tiếp tục tìm khách thuê phần diện tích còn trống, đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ của tòa nhà.

- Việc quyết toán công trình tòa nhà còn chậm, Công ty cần đẩy mạnh việc đôn đốc các đơn vị liên quan hoàn chỉnh hồ sơ để quyết toán công trình trong năm 2017.

1.3.2. Dự án "Hồng Hà Office Tower" tại ô số 03, khu 94 Lò Đúc

Hội đồng quản trị cần chỉ đạo sát sao Ban điều hành Công ty trong việc bàn bạc với đơn vị đối tác để sớm thống nhất phương án hợp tác tại dự án này sao cho đảm bảo quyền lợi cao nhất của Công ty và của cổ đông.

1.4. Thù lao của Ban kiểm soát năm 2016

Tổng chi thù lao cho Ban kiểm soát năm 2016 là: 132.000.000 đồng.

Các khoản chi thù lao Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo mức Nghị quyết ĐHĐCĐ2016 đã thông qua. Ngoài ra không phát sinh những chi phí nào khác ngoài khoản chi thù lao nói trên.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty

Ban kiểm soát đã theo dõi việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty. Cùng Công ty kiểm toán rà soát quy trình kiểm toán và các yếu tố loại trừ nhằm ngăn ngừa những sai sót trong quá trình kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán của Công ty được lập ngày 25/03/2017 theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam, kiểm toán viên có trách nhiệm đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động SXKD và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ các hoạt động SXKD, Ban điều hành đã nghiêm túc thực hiện các quy chế và nghị quyết của HĐQT ban hành. Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành đã lãnh đạo công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD mà ĐHĐCĐ năm 2016 đã thông qua. Những khía cạnh công tác quản lý còn hạn chế cần được nghiên cứu, tìm ra những giải pháp quản lý tốt hơn để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động SXKD của Công ty.

4. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong ban và hoạt động theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã duy trì công tác kiểm soát và họp hàng quý theo quy định với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong Ban kiểm soát; mặt khác thường xuyên liên hệ với bộ máy quản lý điều hành để nắm tình hình hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện trao đổi trực tiếp và đề xuất, kiến nghị trong các cuộc họp HĐQT các vấn đề liên quan đến xây dựng các nội quy, quy chế và thường xuyên tăng cường các biện pháp quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành đã giúp Ban kiểm soát hoàn thành được những nhiệm vụ được giao, đóng góp những kết quả thiết thực trong công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp.

5. Chương trình hoạt động của Ban kiểm soát giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2016- 2017

5.1. Nội dung: Chương trình hoạt động của Ban kiểm soát tập trung vào những nội dung chính sau đây:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Tiếp tục theo dõi việc thu hồi tài sản (nếu có) của Công ty và hạch toán kế toán liên quan đến vụ việc Hoàng Đình Thắng chiếm đoạt tài sản của Công ty.

- Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm.

- Rà soát việc xây dựng và thực hiện các quy định trong quản lý nội bộ của Công ty.

- Đánh giá các lĩnh vực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Theo dõi việc thực hiện những khuyến nghị của Ban kiểm soát đã đưa ra.

5.2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác kiểm tra kiểm soát phải thực hiện tuân thủ theo đúng pháp luật hiện hành, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Căn cứ vào phân công trong Ban kiểm soát và nội dung chương trình trên, từng thành viên trong Ban sẽ chủ động trao đổi với các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty để nắm bắt tình hình thực tế, thống nhất xây dựng nội dung những công việc, thời gian tiến hành cụ thể trước khi thực hiện kiểm tra kiểm soát.

- Trong quá trình kiểm tra kiểm soát, nếu phát hiện thấy những vấn đề bất hợp lý thì trao đổi với các bộ phận nghiệp vụ và các Phó Tổng giám đốc phụ trách các hệ để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Sau quá trình kiểm tra kiểm soát, từng thành viên viết báo cáo, Trưởng Ban kiểm soát tổng hợp, lập báo cáo trình HĐQT và ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký, đóng dấu)

Nông Văn Quyết

CÔNG TY CỔ PHẦN **VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 01/2017/BB-ĐHĐCĐ	Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

[Dự thảo] BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

A. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

I. Thời gian và địa điểm:

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2017, vào hồi 08 giờ 30 phút, tại số 672 Ngô Gia Tự, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông thường niên ("ĐHĐCĐ") Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà năm 2017 đã chính thức khai mạc.

II. Thành phần tham dự Đại hội:

1. Ban tổ chức Đại hội.
2. Cổ đông là các tổ chức, cá nhân và đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông.

B. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Hoàng Mạnh Ánh thay mặt Ban tổ chức Đại hội điều hành nghi lễ chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội.
2. Bà Bùi Thị Thủy thay mặt Ban kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội báo cáo kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông và đại diện ủy quyền dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2017 là …… người, đại diện cho …… cổ phần, chiếm …..% tổng số cổ phần Công ty.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà năm 2017 đủ điều kiện để tiến hành một cách hợp lệ.

3. Ông Hoàng Mạnh Ánh giới thiệu Chủ tọa Đại hội là ông Võ Sỹ Dởng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
4. Chủ tọa Đại hội đề cử các thành viên tham gia Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm thẻ và kiểm phiếu như sau:

- **Đoàn Chủ tịch gồm:**
  1. Ông Võ Sỹ Dởng : Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa Đại hội
  2. Ông Nông Văn Quyết : Trưởng Ban kiểm soát Công ty - Thành viên
  3. Ông Trương Quang Luyến : Thành viên HĐQT, TGĐ Công ty - Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- **Ban Thư ký gồm:**
  1. Ông Phạm Trung Kiên : Trưởng phòng Marketing - Trưởng Ban

2. Bà Nguyễn Thị Thái Thùy :Trưởng phòng Lao động tiền lương - Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- **Ban kiểm phiếu và kiểm thẻ biểu quyết gồm:**
  1. Ông Hoàng Mạnh Ánh : Phó TGĐ Công ty - Trưởng ban
  2. Ông Nguyễn Kiêm Mạnh : Phó phòng Tài chính kế toán - Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

5. Ông Hoàng Mạnh Ánh trình Đại hội Thể lệ biểu quyết. Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
6. Ông Bùi Kỳ Phát, Phó Chủ tịch HĐQT, trình Đại hội Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2017. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
7. Chủ tọa trình Đại hội Chương trình ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2017. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

C. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Các Báo cáo & Tờ trình Đại hội

1. Ông Trương Quang Luyến - Tổng giám đốc Công ty trình Đại hội Báo cáo số 09/2017/BC-TGĐ ngày 15/04/2017 của Tổng giám đốc Công ty về Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng hoạt động SXKD năm 2017.
2. Ông Bùi Kỳ Phát – Phó chủ tịch HĐQT Công ty trình Đại hội Báo cáo số 02/2017/BC-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016.
3. Ông Nguyễn Quang Vũ - Kế toán trưởng Công ty trình Đại hội Tờ trình số 03/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
4. Ông Nguyễn Hưng – Thành viên HĐQT Công ty trình Đại hội:

- Tờ trình số 04/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016.
- Tờ trình số 05/2017/TTr-HĐQT ngày15/04/2017 của HĐQT Công ty về Kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2017.

5. Ông Bùi Quốc Giang – Thành viên HĐQT Công ty trình Đại hội:

- Tờ trình số 06/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Thù lao của HĐQT và BKS năm 2016.
- Tờ trình số 07/2017/TTr-HĐQT ngày15/04/2017 của HĐQT Công ty về Kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS năm 2017.

- Tờ trình số 08/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017.
- Tờ trình số 09/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Phương án triển khai dự án Hồng Hà Office Tower 94 Lò Đúc.

6. Ông Nông Văn Quyết - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình Đại hội:

- Báo cáo số 01/2017/BC-BKS ngày 15/04/2017 của Ban kiểm soát Công ty về Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ năm 2016-2017.

II. Đại hội tiến hành Thảo luận & Biểu quyết

1. Thảo luận: Ông Võ Sỹ Dởng- Chủ tọa Đại hội: Điều hành thảo luận.

Đại hội tiến hành thảo luận về nội dung các Báo cáo và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông.

Ý kiến cổ đông:

Đoàn chủ tịch trả lời:

2. Biểu quyết:

- Đại hội tiến hành biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình bằng hình thức thu Phiếu biểu quyết.
- Đại hội nghỉ giải lao.

3. Chủ tọa công bố kết quả biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình

1. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2016, phương hướng hoạt động SXKD năm 2017.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

3. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
4. Thông qua Tờ trình Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
5. Thông qua Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
6. Thông qua Tờ trình Thù lao của HĐQT và BKS năm 2016.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
7. Thông qua Tờ trình Kế hoạch Thù lao của HĐQT và BKS năm 2017.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
8. Thông qua Tờ trình Đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
9. Thông qua Phương án triển khai dự án Hồng Hà Office Tower 94 Lò Đúc.
   Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
10. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ năm 2016-2017.
    Tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

D. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI

Thay mặt Ban thư ký Đại hội:

- Bà Nguyễn Thị Thái Thùy – Thành viên Ban thư ký Đại hội trình Dự thảo Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

  Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Ông Phạm Trung Kiên – Trưởng Ban thư ký Đại hội trình Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

  Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Biên bản này được Ban thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực và được đọc công khai toàn văn trước Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà kết thúc vào hồi …. giờ …. phút cùng ngày.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI		**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**
Phạm Trung Kiên	**Nguyễn Thị Thái Thùy**	**Võ Sỹ Dởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN **VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ	Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

[Dự thảo] NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ các Biên bản kiểm thẻ và kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 28/04/2017;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ngày 28/04/2017.

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được tổ chức ngày 28/04/2017, tại Trụ sở Công ty số 672 Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội với ….. cổ đông và đại diện cổ đông dự họp, đại diện cho …….. cổ phần bằng ……..% vốn điều lệ của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo số 09/2017/BC-TGĐ ngày 15/04/2017 của Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng hoạt động SXKD năm 2017, với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Kết quả hoạt động SXKD năm 2016

- Doanh thu và các khoản thu nhập khác : 533,717 tỷ đồng
  (chưa trừ CK giảm giá)
- Doanh thu và các khoản thu nhập khác : 531,877 tỷ đồng
  (đã trừ CK giảm giá)
- Lợi nhuận trước thuế : 34,700 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 27,165 tỷ đồng
- Cổ tức bằng tiền : 30% vốn điều lệ

Phương hướng SXKD năm 2017

- Doanh thu và các khoản thu nhập khác : 570 tỷ đồng
  (chưa trừ CK giảm giá)
- Doanh thu và các khoản thu nhập khác : 547,2 tỷ đồng
  (đã trừ CK giảm giá)
- Lợi nhuận trước thuế : 35 tỷ đồng
- Cổ tức : 30% vốn điều lệ

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2: Thông qua Báo cáo số 02/2017/BC-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty, Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 3: Thông qua Tờ trình số 03/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4: Thông qua Tờ trình số 04/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016, theo đó:

TT	Diễn giải	Thực hiện	Ghi chú
	Lợi nhuận sau thuế 2016	**27.164.886.473**	
1	Chia cổ tức bằng tiền	17.688.300.000	30% VĐL
2	Trích Quỹ Phúc lợi Khen thưởng	4.074.732.971	15 % LNST
3	Trích Quỹ Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	2.240.000.000	~8% LNST
4	Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.358.244.324	5% LNST
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1.803.609.178	Phần LNST còn lại

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 05/2017/TTr-HĐQT ngày15/04/2017 của HĐQT Công ty về Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017, theo đó:

TT	Diễn giải	Thành tiền	Tỷ lệ
	Lợi nhuận sau thuế dự kiến	**27,50 tỷ đồng**	
	Kế hoạch Phân phối lợi nhuận như sau:		
1	Chia cổ tức	17,69 tỷ đồng	30 % VĐL
2	Trích Quỹ Phúc lợi Khen thưởng	2,75 tỷ đồng	10% LNST
3	Trích Quỹ Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	2,75 tỷ đồng	10% LNST
4	Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,38 tỷ đồng	5% LNST
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	2,93 tỷ đồng	Phần LNST còn lại

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 06/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Thực hiện thù lao của HĐQT và BKS năm 2016:

Hội đồng quản trị : 576.000.000 đồng

Ban Kiểm soát : 132.000.000 đồng

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 07/2017/TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS năm 2017

Hội đồng quản trị : 576.000.000 đồng

Ban Kiểm soát : 132.000.000 đồng

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 08/2017/ TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017 là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 9: Thông qua Tờ trình số 09/2017/ TTr-HĐQT ngày 15/04/2017 của HĐQT Công ty về Phương án triển khai dự án Hồng Hà Office Tower 94 Lò Đúc.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 10: Thông qua Báo cáo số …./2017/BC-BKS ngày 15/04/2017 của Ban kiểm soát Công ty về Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ năm 2016-2017

Đại hội nhất trí thông qua nội dung này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 11: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là ..... % và có hiệu lực kể từ ngày 28/04/2017.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và những người có liên quan chịu trách nhiệm triển khai và thi hành Nghị quyết này phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT, CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Võ Sỹ Dởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Võ Sỹ Dởng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 14/11/2016)
Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/11/2016) Thành viên (từ ngày 14/11/2016)
Ông Bùi Kỳ Phát	Phó chủ tịch
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)
Ông Phan Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Trương Quang Luyến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-4) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-4) 6278 2905

Số: 71/2017/AVI-TC1-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2017 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0034-2015-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
1396-2015-055-1

Thành viên độc lập của GMN International gmn international

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**221.440.333.768**	**215.454.510.886**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**12.904.601.468**	**16.669.374.388**
1. Tiền	111		12.904.601.468	6.450.031.755
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.219.342.633
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**38.318.267.234**	**26.730.990.668**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.240.738.951	7.578.915.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.181.444.513	7.950.941.920
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.978.358.203	13.292.564.111
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.082.274.433)	(2.091.431.263)
III. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**165.807.912.251**	**165.519.497.304**
1. Hàng tồn kho	141		167.687.385.472	165.519.497.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.879.473.221)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.409.552.815**	**6.534.648.526**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	654.307.188	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.228.973.399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	3.755.245.627	3.305.675.127
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**247.605.883.587**	**230.681.559.837**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**48.499.877.998**	**298.766.864**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	48.499.877.998	298.766.864
II. Tài sản cố định	**220**		**84.191.207.365**	**77.984.913.778**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	76.379.682.782	70.521.239.195
- Nguyên giá	*222*		*158.073.657.888*	*141.537.834.635*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(81.693.975.106)*	*(71.016.595.440)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.811.524.583	7.463.674.583
- Nguyên giá	*228*		*8.790.234.750*	*8.314.234.750*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(978.710.167)*	*(850.560.167)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**13**	**106.237.839.700**	**101.613.615.806**
- Nguyên giá	*231*		*176.133.510.949*	*166.715.475.699*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*232*		*(69.895.671.249)*	*(65.101.859.893)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**8.141.672.825**	**49.790.725.316**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	8.141.672.825	49.790.725.316
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**535.285.699**	**993.538.073**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	535.285.699	993.538.073
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**469.046.217.355**	**446.136.070.723**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**335.622.424.906**	**317.785.610.759**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**160.711.837.642**	**143.698.591.281**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	41.495.013.713	59.327.103.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		419.238.773	134.768.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.286.818.138	295.652.221
4. Phải trả người lao động	314		12.928.668.953	8.253.773.582
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.924.212.939	3.103.772.254
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.276.166.440	1.624.389.871
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	9.294.883.620	4.815.858.740
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	75.780.773.169	65.187.962.383
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.306.061.897	955.310.535
II. Nợ dài hạn	**330**		**174.910.587.264**	**174.087.019.478**
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	48.186.970.632	48.957.880.774
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	68.415.091.199	71.820.613.271
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	58.308.525.433	53.308.525.433
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**133.423.792.449**	**128.350.459.964**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**133.323.792.449**	**128.250.459.964**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*58.961.000.000*	*58.961.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.542.149.721	4.900.411.071
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.806.130.187	3.806.130.187
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.640.287.086	43.208.693.251
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*12.475.400.613*	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*27.164.886.473*	*43.208.693.251*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**100.000.000**	**100.000.000**
1. Nguồn kinh phí	431		100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**469.046.217.355**	**446.136.070.723**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Kiêm Mạnh	Nguyễn Quang Vũ	Trương Quang Luyến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	23	**530.320.388.657**	**496.331.490.752**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.577.364.853	257.278.967
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**528.743.023.804**	**496.074.211.785**
4. Giá vốn hàng bán	11	25	382.165.529.709	344.055.491.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**146.577.494.095**	**152.018.720.430**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	113.822.476	466.080.447
7. Chi phí tài chính	22	27	6.547.661.847	3.986.361.699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*4.209.433.127*	*3.817.333.860*
8. Chi phí bán hàng	25	28	80.470.173.503	74.044.713.694
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	24.868.940.800	20.340.833.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**34.804.540.421**	**54.112.891.664**
11. Thu nhập khác	31	31	1.442.765.603	2.652.182.489
12. Chi phí khác	32	32	1.548.135.499	1.271.453.324
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(105.369.896)**	**1.380.729.165**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**34.699.170.525**	**55.493.620.829**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	7.534.284.052	12.284.927.578
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**27.164.886.473**	**43.208.693.251**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**34**	**3.686**	**6.082**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Kiêm Mạnh	Nguyễn Quang Vũ	Trương Quang Luyến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**	**34.699.170.525**	**55.493.620.829**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**		-	-
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.220.499.656	17.542.567.583
	- Các khoản dự phòng	03	2.870.316.391	(746.836.569)
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(69.519)	(96.553)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(478.649.713)	(527.267.363)
	- Chi phí lãi vay	06	4.209.433.127	3.817.333.860
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**	**59.520.700.467**	**75.579.321.787**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(52.189.100.121)	22.482.728.520
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.167.888.168)	(15.120.900.597)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	37.737.463.384	782.018.926
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(196.054.814)	1.264.918.707
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.133.657.859)	(3.903.576.423)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.006.139.194)	(12.376.108.794)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	65.420.000	13.400.000
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.065.972.626)	(1.479.034.690)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**28.564.771.069**	**67.242.767.436**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.734.872.489)	(25.077.280.395)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	492.204.000	215.000.000
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	112.444.195	461.932.829
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(31.130.224.294)**	**(24.400.347.566)**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		-	-
1.	Tiền thu từ đi vay	33	371.511.000.019	273.779.936.499
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(360.918.189.233)	(292.179.154.464)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.792.200.000)	(15.917.904.590)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(1.199.389.214)**	**(34.317.122.555)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(3.764.842.439)**	**8.525.297.315**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**16.669.374.388**	**8.143.980.520**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	69.519	96.553
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**12.904.601.468**	**16.669.374.388**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Kiêm Mạnh	Nguyễn Quang Vũ	Trương Quang Luyến

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0100100216 ngày 03/03/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng, tương ứng với 5.896.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 407 người (tại ngày 31/12/2015 là 394 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- In ấn;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

....

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nhà máy sản xuất của Công ty đặt tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (TP.Hà Nội)	Số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng	Số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi

nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản…

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị quản lý	04 - 08

Trong năm, Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản thuộc nhóm máy móc thiết bị.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất phản ánh khoản tiền Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty không thực hiện trích khấu hao với quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị tòa nhà văn phòng "Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại 25 Lý Thường Kiệt do Công ty xây dựng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá trị công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 năm.

Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty vẫn đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng. Nguyên giá của bất động sản đầu tư nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư dự án xây dựng tòa nhà văn phòng " Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000052 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012. Theo Quyết định số 219/QĐ –GVN.HN ngày 23/6/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 472,267 tỷ đồng, trong đó mức đầu tư tương ứng với phần diện tích Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được phép sử dụng, khai thác là 241,426 tỷ đồng. Hiện tại, công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty đang tiến hành các thủ tục để quyết toán công trình.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước dài hạn và chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê nhà, chi phí sửa chữa cải tạo phân xưởng và các chi phí khác.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Chi phí tiền thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phát sinh. Các khoản chi phí thuê nhà có thời gian dưới 12 tháng được theo dõi là chi phí trả trước ngắn hạn, các khoản chi phí thuê nhà có thời gian trên 12 tháng được theo dõi là khoản chi phí trả trước dài hạn.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ…

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả thầu phụ; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định..., trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;

- Chi phí phải trả thầu phụ của các hạng mục công trình đã được khách hàng nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, được trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ do nhà thầu đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu, xuất hóa đơn;

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm tài chính 2016, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 35.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	699.157.352	733.591.008
Tiền gửi ngân hàng	12.205.444.116	5.716.440.747
Các khoản tương đương tiền	-	10.219.342.633
Cộng	**12.904.601.468**	**16.669.374.388**

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building	2.016.387.509	691.936.262
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Phát Triển A Và T	1.622.376.972	1.223.067.602
Công ty TNHH Tân Thành Phương	1.495.552.421	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.106.422.049	5.663.912.036
Cộng	**13.240.738.951**	**7.578.915.900**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**6.978.358.203**	-	**13.292.564.111**	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	-	3.701.666.283	-
Ký cược, ký quỹ	112.756.160	-	100.520.000	-
Tạm ứng	785.147.600	-	416.045.890	-
Cổ tức đã tạm ứng (*)	5.894.534.590	-	8.842.584.590	-
Phải thu khác	185.919.853	-	231.747.348	-
Dài hạn	**48.499.877.998**	-	**298.766.864**	-
Ký cược, ký quỹ	99.877.998	-	298.766.864	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam (**)	48.400.000.000	-	-	-
Cộng	**55.478.236.201**	-	**13.591.330.975**	-

(*): Trong năm 2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐQT ngày 27/07/2016. Tổng số tiền cổ tức tạm ứng trong năm 2016 tương đương 10% vốn điều lệ, được Công ty theo dõi và ghi nhận ở tài khoản 338 – Phải trả khác. Số cổ tức này sẽ được quyết toán và ghi giảm tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt.

(**): Khoản phải thu còn lại Tổng công ty Giấy Việt Nam liên quan đến phần diện tích Tổng công ty được khai thác, sử dụng của công trình tòa nhà văn phòng " Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	4.082.183.424	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	38.087.272.375	(1.879.473.221)	56.346.572.704	
Công cụ, dụng cụ		-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	7.538.333.227	-	10.184.603.372	-
Thành phẩm	66.833.350.099	-	51.027.045.929	-
Hàng hoá	51.146.246.347	-	47.961.275.299	-
Cộng	**167.687.385.472**	**(1.879.473.221)**	**165.519.497.304**	**-**

(*): Bao gồm giá trị nguyên vật liệu tồn tại các phân xưởng chưa đưa vào sản xuất tại ngày 31/12/2016 là 4.244.783.039 tỷ đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	**654.307.188**	-
Chi phí thuê nhà	654.307.188	-
Dài hạn	**535.285.699**	**993.538.073**
Chi phí thuê nhà	-	763.788.128
Công cụ dụng cụ	462.140.902	208.557.945
Chi phí khác	73.144.797	21.192.000
Cộng	**1.189.592.887**	**993.538.073**

10. NỢ XẤU

	31/12/2016				01/01/2016			
	Thời gian phát sinh	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian phát sinh	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TM Quảng Cáo & Bao Bì Ngọc Phát	Trên 3 năm	780.129.069	(780.129.069)	-	Trên 3 năm	780.129.069	(780.129.069)	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (*)	Trên 3 năm	1.622.376.972	(1.622.376.972)	-	Trên 3 năm	1.223.067.602	(611.533.802)	611.533.800
Công ty TNHH Tuấn Phương	Trên 3 năm	450.550.297	(450.550.297)	-	Trên 3 năm	470.550.297	(470.550.297)	-
DNTN Vũ & Vy	Trên 3 năm	229.218.095	(229.218.095)	-	Trên 3 năm	229.218.095	(229.218.095)	-
Cộng		**3.082.274.433**	**(3.082.274.433)**	**-**		**2.702.965.063**	**(2.091.431.263)**	**611.533.800**

(*) Khoản công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (viết tắt là "Công ty A&T") là khoản phải thu về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt. Tuy nhiên, Công ty A&T đã không thanh toán cho Công ty theo quy định của hợp đồng, do đó Công ty đã kiện Công ty A&T ra tòa án dân sự để thu hồi công nợ. Tòa án nhân nhân quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án và xử phiên sơ thẩm, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phiên phúc thẩm. Đến ngày 26/05/2016, các bên đã thực hiện hòa giải và có biên bản hòa giải Thành của Tòa án Nhân dân quận 2 thành phố Hồ Chí Minh về toàn bộ nợ gốc (phát sinh từ hợp đồng thuê và các biên bản làm việc, đối chiếu công nợ) là 1.622.376.972 đồng, Công ty A&T sẽ thanh toán làm 3 lần. Trong đó, thanh toán lần đầu vào 30/08/2016 và lần cuối chậm nhất đến ngày 28/02/2017. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty A&T chưa thanh toán được số tiền nợ. Công ty đang xúc tiến thu hồi công nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số trích lập tương ứng 100% giá trị phải thu.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	**60.145.670.847**	**73.740.627.992**	**5.229.896.802**	**2.421.638.994**	**141.537.834.635**
Mua trong năm	-	13.772.514.423	2.987.380.002	-	16.759.894.425
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.437.713.794	-	-	-	2.437.713.794
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.368.315.918)	(293.469.048)	-	(2.661.784.966)
Tại ngày 31/12/2016	**62.583.384.641**	**85.144.826.497**	**7.923.807.756**	**2.421.638.994**	**158.073.657.888**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	**24.931.102.085**	**40.456.791.501**	**3.954.393.103**	**1.674.308.751**	**71.016.595.440**
Khấu hao trong năm	2.683.376.621	9.961.111.000	494.734.581	159.316.098	13.298.538.300
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.327.689.586)	(293.469.048)	-	(2.621.158.634)
Tại ngày 31/12/2016	**27.614.478.706**	**48.090.212.915**	**4.155.658.636**	**1.833.624.849**	**81.693.975.106**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	**35.214.568.762**	**33.283.836.491**	**1.275.503.699**	**747.330.243**	**70.521.239.195**
Tại ngày 31/12/2016	**34.968.905.935**	**37.054.613.582**	**3.768.149.120**	**588.014.145**	**76.379.682.782**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng	*8.322.204.482*	*26.773.276.995*	*3.411.152.845*	*1.391.572.758*	*39.898.207.080*

Một số tài sản cố định thuộc nhóm Nhà cửa vật kiến trúc được Công ty thế chấp cho Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 20 – Vay và nợ thuê tài chính.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	**6.708.372.500**	**1.605.862.250**	**8.314.234.750**
Mua trong năm	-	476.000.000	476.000.000
Tại ngày 31/12/2016	**6.708.372.500**	**2.081.862.250**	**8.790.234.750**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	**850.560.167**	**850.560.167**
Khấu hao trong năm	-	128.150.000	128.150.000
Tại ngày 31/12/2016	-	**978.710.167**	**978.710.167**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	**6.708.372.500**	**755.302.083**	**7.463.674.583**
Tại ngày 31/12/2016	**6.708.372.500**	**1.103.152.083**	**7.811.524.583**

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	**166.715.475.699**	**166.715.475.699**
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.418.035.250	9.418.035.250
Tại ngày 31/12/2016	**176.133.510.949**	**176.133.510.949**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	**65.101.859.893**	**65.101.859.893**
Khấu hao trong năm	4.793.811.356	4.793.811.356
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2016	**69.895.671.249**	**69.895.671.249**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	**101.613.615.806**	**101.613.615.806**
Tại ngày 31/12/2016	**106.237.839.700**	**106.237.839.700**

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	1.020.916.145	49.704.378.316
Cải tạo nhà xưởng và kho cơ sở 2	6.880.794.091	-
Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
Mua sắm TSCĐ	226.375.589	72.760.000
Cộng	**8.141.672.825**	**49.790.725.316**

(*): Công trình tòa nhà văn phòng " Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (viết tắt " Thuận An Building"), chi tiết:

- Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008, Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác, kinh doanh tạm tính là 3.932 m2 gồm diện tích sàn tầng 3, 4, 5, 6 (983m2/tầng). Sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, Thuận An Building được ký hợp đồng thuê văn phòng tương ứng phần diện tích đã góp vốn trong thời gian hoạt động còn lại của Công trình theo hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009, Thuận An Building đầu tư xây dựng 100% toàn phần diện tích tăng thêm từ 09 tầng lên 13 tầng của công trình dự án để được hưởng 50% toàn bộ diện tích tăng thêm nhằm sử dụng, quản lý, khai thác và kinh doanh.

- Trong quy định của các hợp đồng hợp tác nêu trên, quyền được thuê và sử dụng được chuyển giao cho Thuận An Building hoặc một bên khác do Thuận An Building chỉ định. Bên khác do Thuận An Building chỉ định tại các phụ lục hợp đồng hợp tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 của Công ty là giá trị tạm tăng. Giá trị của dự án nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH Một thành viên	11.065.115.215	11.065.115.215	11.065.115.215	11.065.115.215
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	4.462.195.222	4.462.195.222	19.231.299.138	19.231.299.138
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và xây lắp CDS	1.711.165.700	1.711.165.700	2.711.165.700	2.711.165.700
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Việt Nam	1.874.162.900	1.874.162.900	1.874.162.900	1.874.162.900
Chi nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	2.215.935.038	2.215.935.038	189.716.945	189.716.945
Công ty Cổ phần Giấy và Bao Bì Việt Thắng	6.844.956.986	6.844.956.986	3.848.511.536	3.848.511.536
Phải trả cho các đối tượng khác	13.321.482.652	13.321.482.652	20.407.131.736	20.407.131.736
Cộng	**41.495.013.713**	**41.495.013.713**	**59.327.103.170**	**59.327.103.170**

Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	-	-	2.265.934.103	2.265.934.103

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	18.024.413.899	16.774.254.621	1.250.159.278
Thuế Nhập khẩu	-	457.749.087	457.749.087	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.734.551.391)	7.536.777.532	8.006.139.194	(3.203.913.053)
Thuế Thu nhập cá nhân	(15.670.202)	1.283.865.522	1.231.969.156	36.226.164
Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	295.652.221	595.394.026	890.613.551	432.696
Thuế đất	-	170.570.988	170.570.988	-
Tiền thuê đất	(551.332.574)	9.594.732.202	9.594.732.202	(551.332.574)
Các loại thuế, phí khác	(4.120.960)	207.034.132	202.913.172	-
Cộng	**(3.010.022.906)**	**37.870.537.388**	**37.328.941.971**	**(2.468.427.489)**
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	*295.652.221*			*1.286.818.138*
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	*3.305.675.127*			*3.755.245.627*

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	**11.924.212.939**	**3.103.772.254**
Chi phí lãi vay và lãi nhận ký quỹ	216.394.238	140.618.970
Chi phí xây dựng cơ bản	6.808.749.545	-
Chi phí khuyến mại	3.984.770.868	2.963.153.284
Chi phí khác	914.298.288	-
Dài hạn	**48.186.970.632**	**48.957.880.774**
Chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại 25 Lý Thường Kiệt (i)	48.186.970.632	48.957.880.774
Cộng	**60.111.183.571**	**52.061.653.028**

(i) Khoản chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của Dự án tòa nhà văn phòng "Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt tương ứng với phần diện tích sử dụng đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building thuê đến năm 2057 do Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê mặt bằng với Công ty này đến năm 2057 vào kết quả kinh doanh năm 2014.

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	**1.276.166.440**	**1.624.389.871**
Doanh thu cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt	1.276.166.440	1.624.389.871
Dài hạn	**68.415.091.199**	**71.820.613.271**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	57.144.402.112	58.555.363.948
Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình (ii)	9.608.555.568	9.608.555.568
Công ty TNHH Bình Hạnh Đan (ii)	1.662.133.519	3.656.693.755
Cộng	**69.691.257.639**	**73.445.003.142**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là doanh thu nhận trước về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng " Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt.

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ngày 06/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời gian thuê từ ngày 10/11/2013 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 1, 2 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 584m2. Tổng tiền thuê cả kỳ là 61.612.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HĐ-TVP ngày 12/12/2013 với ông Nguyễn Phan Quang Bình và bà Ngô Thị Bích Hạnh – bên thuê ban đầu (ông Bình và bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2014 bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan thuê tại khu vực tầng 11 của tòa nhà. Theo đó, thời hạn thuê của bên thuê bổ sung - Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ 25/11/2013 đến 25/11/2017 (4 năm thuê đầu tiên) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 7.978.240.932 đồng và thời hạn thuê của bên thuê ban đầu - ông Bình và bà Hạnh là từ 26/11/2017 đến 08/07/2057 (thời gian thuê còn lại) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 9.608.555.568 đồng.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	**9.294.883.620**	**4.815.858.740**
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.671.883.620	4.815.858.740
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	623.000.000	-
Dài hạn	**58.308.525.433**	**53.308.525.433**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.217.616.342	1.217.616.342
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (i)	54.090.909.091	49.090.909.091
Cộng	**67.603.409.053**	**58.124.384.173**

(i) Số dư phải trả Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building là số tiền góp vốn đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng " Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**75.780.773.169**	**75.780.773.169**	**371.511.000.019**	**360.918.189.233**	**65.187.962.383**	**65.187.962.383**
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	57.987.023.749	57.987.023.749	306.667.183.903	304.590.510.108	55.910.349.954	55.910.349.954
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	-	-	23.991.455.869	30.049.068.298	6.057.612.429	6.057.612.429
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	16.398.749.420	16.398.749.420	40.552.360.247	24.153.610.827	-	-
Vay cá nhân (iii)	1.395.000.000	1.395.000.000	300.000.000	2.125.000.000	3.220.000.000	3.220.000.000
Vay dài hạn		-	-	-	-	-
Cộng	**75.780.773.169**	**75.780.773.169**	**371.511.000.019**	**360.918.189.233**	**65.187.962.383**	**65.187.962.383**

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng hạn mức sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/15/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 02/07/2015, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 05/01/2016 gia hạn thời gian rút vốn đến hết ngày 30/06/2016 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 14/04/2016, thay đổi hạn mức cho vay, hạn mức cho vay mới là 100 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/16/HM/VCB.CD – VPPHH ngày 05/09/2016, hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn rút vốn là hết ngày 31/3/2017 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng.

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 672 Ngô Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội theo Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm ngày 30/8/2016 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương và Công ty. Tổng giá trị định giá lại của tải sản thế chấp là 131 tỷ đồng.

(ii) Khoản vay ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2907/VIB – VPPHH ký ngày 01/08/2016, hạn mức cho vay là 30 tỷ , thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng. Bên vay cam kết doanh số chuyển khoản trực tiếp về ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam tối thiểu 15% doanh thu, 100% doanh thu đối với các hợp đồng do VIB mở L/C phát hành bảo lãnh về tài khoản của mình.

(iii) Khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn vay không xác định cụ thể, lãi suất vay áp dụng theo thông báo của Công ty.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	**58.961.000.000**	**17.374.225.455**	**-**	**-**	**22.177.476.174**	**98.512.701.629**
Lãi trong năm	-	-	-	-	43.208.693.251	43.208.693.251
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.900.411.071	3.806.130.187	(22.177.476.174)	(13.470.934.916)
Tại ngày 01/01/2016	**58.961.000.000**	**17.374.225.455**	**4.900.411.071**	**3.806.130.187**	**43.208.693.251**	**128.250.459.964**
Lãi trong năm	-	-	-	-	27.164.886.473	27.164.886.473
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	8.641.738.650	-	(30.733.292.638)	(22.091.553.988)
Tại ngày 31/12/2016	**58.961.000.000**	**17.374.225.455**	**13.542.149.721**	**3.806.130.187**	**39.640.287.086**	**133.323.792.449**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2016	01/01/2016
	%	VND	VND
Ông Bùi Kỳ Phát	6,17%	3.638.550.000	3.638.550.000
Ông Bùi Quốc Giang	15,01%	8.850.000.000	8.850.000.000
Ông Tạ Quốc Bình	12,42%	7.322.280.000	7.322.280.000
Ông Võ Sỹ Dởng	5,61%	3.307.600.000	3.307.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	60,79%	35.842.570.000	35.842.570.000
Cộng	**100%**	**58.961.000.000**	**58.961.000.000**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia cổ tức và phân phối lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	58.961.000.000	58.961.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	58.961.000.000	58.961.000.000
Lợi nhuận đã chia	**30.733.292.638**	**22.177.476.174**
Phân phối lợi nhuận năm trước	***30.733.292.638***	***22.177.476.174***
- Trích quỹ quỹ đầu tư phát triển	8.641.738.650	4.900.411.071
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	3.806.130.187
- Chia cổ tức	14.740.250.000	11.792.200.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.351.303.988	1.678.734.916
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-

(*): Lợi nhuận năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016 của Công ty.

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu phổ thông	*5.896.100*	*5.896.100*
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu phổ thông	*5.896.100*	*5.896.100*
- Cổ phiếu ưu đãi		-
** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành*	10.000	10.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
- Đối tượng Hoàng Đình Thắng	84.871.423.319	84.871.423.319
Ngoại tệ		
- USD	374,55	1.097,25

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	496.980.077.355	472.481.512.223
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.340.311.302	23.849.978.529
Cộng	**530.320.388.657**	**496.331.490.752**

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	244.523.948	47.668.978

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.577.364.853	257.278.967
Cộng	**1.577.364.853**	**257.278.967**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	370.417.883.047	355.605.580.271
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.747.646.662	(11.550.088.916)
Trong đó		
Gía vốn cho Công ty Thuận An Buiding thuê	-	*(25.197.044.918)*
Gía vốn cung cấp dịch vụ khác	-	*13.646.956.002*
Cộng	**382.165.529.709**	**344.055.491.355**

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	112.444.195	461.390.256
Lãi chênh lệch tỉ giá phát sinh trong thanh toán	1.308.762	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	69.519	4.690.191
Cộng	**113.822.476**	**466.080.447**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.209.433.127	3.817.333.860
Chiết khấu thanh toán	2.338.228.720	168.451.800
Chênh lệch tỷ giá	-	576.039
Cộng	**6.547.661.847**	**3.986.361.699**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	15.994.689.855	11.647.308.355
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.754.644.146	934.094.161
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	90.988.718	61.764.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.142.380.033	8.228.992.930
Chi phí khác	55.487.470.751	53.172.554.223
Cộng	**80.470.173.503**	**74.044.713.694**

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.989.034.972	8.111.282.246
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.639.666.446	905.217.012
Chi phí đồ dùng văn phòng	632.739.125	805.482.018
Chi phí dự phòng	1.199.219.775	925.497.623
Thuế, phí, lệ phí	346.747.931	289.480.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.084.391.567	1.536.977.026
Chi phí bằng tiền khác	5.977.140.984	7.766.897.724
Cộng	**24.868.940.800**	**20.340.833.820**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.118.400.073	191.593.103.323
Chi phí nhân công	54.243.882.869	42.374.109.852
Chi phí khấu hao	13.426.688.300	8.085.717.094
Chi phí dự phòng	1.199.219.775	925.497.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.662.682.409	15.663.691.091
Chi phí khác bằng tiền	62.365.646.004	65.579.690.294
Cộng	**351.016.519.430**	**324.221.809.277**

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi Thanh lý TSCĐ	406.831.850	130.394.540
Tiền thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	1.165.259.482
Điều chỉnh vật tư thừa khi kiểm kê	444.000.451	1.088.119.089
Thu bán phế liệu và các khoản khác	591.933.302	268.409.378
Cộng	**1.442.765.603**	**2.652.182.489**

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Điều chỉnh vật tư thiếu khi kiểm kê	409.496.935	843.892.188
Các khoản chi phí khác	1.138.638.564	427.561.136
Cộng	**1.548.135.499**	**1.271.453.324**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**34.699.170.525**	**55.493.620.829**
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	1.088.257.713	1.209.957.458
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	20.000.000	4.041.888.949
Thu nhập chịu thuế trong năm	**35.767.428.238**	**52.661.689.338**
Thuế suất	20%	22%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**7.153.485.648**	**11.585.571.654**
Thuế TNDN truy thu của năm trước	380.798.404	699.355.924
Chi phí thuế TNDN	**7.534.284.052**	**12.284.927.578**

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.164.886.473	43.208.693.251
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	5.432.977.295	7.351.303.988
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.731.909.178	35.857.389.263
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.896.100	5.896.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.686**	**6.082**

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 là số trích theo phân phối lợi nhuận năm 2015, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 là số tạm trích theo kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 02/2016/NQ – ĐHĐCĐ ngày 29/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh đã nêu trên của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch khác và số dư với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	4.029.441.195	3.894.770.913
Thu nhập của Ban điều hành	**2.696.592.002**	**1.699.001.521**
Hội đồng quản trị	388.000.000	336.000.000
Ban Tổng giám đốc	2.308.592.002	1.363.001.521

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	4.680.845.614	-

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2016	Giá trị ghi sổ 01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.904.601.468	16.669.374.388
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.851.553.119	18.662.769.722
Cộng	**77.756.154.587**	**35.332.144.110**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	75.780.773.169	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	109.098.422.766	117.451.487.343
Chi phí phải trả	60.111.183.571	52.061.653.028
Cộng	**244.990.379.506**	**234.701.102.754**

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì một số các giao dịch mua hàng, bán hàng bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.509.776	24.732.015	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cả

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2016 là 3.082.274.433 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 2.091.431.263 đồng).

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2016			
Các khoản vay	75.780.773.169	-	75.780.773.169
Phải trả người bán và phải trả khác	50.789.897.333	58.308.525.433	109.098.422.766
Chi phí phải trả	11.924.212.939	48.186.970.632	60.111.183.571
Tại 01/01/2016			
Các khoản vay	65.187.962.383	-	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	64.142.961.910	53.308.525.433	117.451.487.343
Chi phí phải trả	3.103.772.254	48.957.880.774	52.061.653.028

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Một số số liệu được phân loại lại để phù hợp với chỉ tiêu so sánh.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Kiêm Mạnh	Nguyễn Quang Vũ	Trương Quang Luyến